

* Báo cáo tài chính đã được soát xét bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Tại ngày 30/09/2009

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	160,032,343,199	150,024,578,930
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	12,152,725,833	25,745,331,611
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	71,359,135,723	65,746,206,365
4	Hàng tồn kho	75,538,503,772	57,402,745,987
5	Tài sản ngắn hạn khác	981,977,871	1,130,294,967
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	270,280,649,847	264,738,202,065
1	Các khoản phải thu dài hạn		-
2	Tài sản cố định	263,906,670,237	260,763,216,816
	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>154,507,158,851</i>	<i>142,839,705,975</i>
	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>-</i>	<i>4,161,221,891</i>
	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>20,978,967,363</i>	<i>20,405,388,363</i>
	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>88,420,544,023</i>	<i>93,356,900,587</i>
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3,300,000,000	3,300,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	3,073,979,610	674,985,249
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	430,312,993,046	414,762,780,995
I	NỢ PHẢI TRẢ	373,416,678,702	349,711,823,459
1	Nợ ngắn hạn	264,325,970,801	241,877,106,515
2	Nợ dài hạn	109,090,707,901	107,834,716,944
II	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	56,896,314,344	65,050,957,536
1	Vốn chủ sở hữu	56,896,314,344	64,896,285,020
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>45,000,000,000</i>	<i>45,000,000,000</i>
	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>9,151,177,887</i>	<i>9,151,177,887</i>
	<i>Các quỹ</i>	<i>1,816,446,786</i>	<i>2,100,563,941</i>
	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>928,689,671</i>	<i>8,644,543,192</i>
2	Nguồn kinh phí và Quỹ khác	-	154,672,516
	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>-</i>	<i>154,672,516</i>
	<i>Nguồn kinh phí</i>	<i>-</i>	
	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>	<i>-</i>	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430,312,993,046	414,762,780,995

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý III	Lũy kế
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	146,107,301,852	286,314,597,672
2.	Các khoản giảm trừ	13,530,085,140	25,117,083,012
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132,577,216,712	261,197,514,660
4.	Giá vốn hàng bán	106,213,509,030	209,133,460,147
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26,363,707,682	52,064,054,513
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,089,494,056	1,716,535,369
7	Chi phí tài chính	7,926,720,325	20,252,322,588
8	Chi phí bán hàng	7,379,021,450	17,902,973,243
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,399,397,230	5,594,057,124
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9,748,062,733	10,031,236,927
11	Thu nhập khác	329,730,776	4,736,237,365
12	Chi phí khác	162,320,466	3,336,127,535
13	Lợi nhuận khác	167,410,310	1,400,109,830
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	9,915,473,043	11,431,346,757
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2,498,293,852	2,864,262,281
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,417,179,191	8,567,084,476
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,648	1,904
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2009

GIÁM ĐỐC CÔNG TY